

Số: 1582/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
hạng mục Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ
và phát triển rừng thuộc dự án Trồng và phục hồi rừng phòng hộ
đầu nguồn lưu vực Sông Đà, Sông Mã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các văn bản của Chính phủ: Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các văn bản của Bộ Xây dựng: Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt dự án Trồng và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực Sông Đà, Sông Mã;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 216/TTr-SXD ngày 23 tháng 7 năm 2020..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng thuộc dự án Trồng và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực Sông Đà, Sông Mã, với những nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục công trình: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng.

2. Thuộc dự án: Trồng và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực Sông Đà, Sông Mã.

3. Loại, cấp hạng mục công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

4. Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La.

5. Địa điểm xây dựng: Các huyện Thuận Châu, Mường La, Sốp Cộp, Bắc Yên, Phù Yên, Sông Mã, Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

6. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế và dự toán xây dựng công trình: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và Thương mại Thanh Long;

7. Chủ nhiệm lập dự án: Kts. Vy Hoài Nam.

8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng: Công ty TNHH MYLANGCO.

9. Giải pháp thiết kế và các thông số kỹ thuật chủ yếu

9.1. Giải pháp tổng mặt bằng

Hạng mục Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng thuộc dự án Trồng và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực Sông Đà, Sông Mã được đầu tư xây dựng trên địa bàn các huyện Thuận Châu, Mường La, Sốp Cộp, Bắc Yên, Phù Yên, Sông Mã, Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Trong đó tổng mặt bằng xây dựng đã được UBND huyện và các phòng chức năng có liên quan xác nhận phê duyệt, cụ thể:

9.1.1. Nhà làm việc Ban quản lý rừng đặc dụng - Phòng hộ Thuận Châu: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 1.841,44 m² thuộc địa phận xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà làm việc Ban quản lý 2 tầng; nhà tạm giữ phương tiện, kho 1 tầng; nhà nuôi nhốt động vật quý hiếm 1 tầng; nhà bảo vệ 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.2. Trạm bảo vệ rừng xã Co Mạ, huyện Thuận Châu: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 662.21m² thuộc địa phận xã Co Mạ, huyện Thuận Châu. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.3. Trạm bảo vệ rừng xã Bản Lâm, huyện Thuận Châu: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 341.13m² thuộc địa phận xã Bản Lâm, huyện Thuận Châu. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà

để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.4. Nhà làm việc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 3.203,39 m² thuộc địa phận xã Nậm Pấm, huyện Mường La. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà làm việc Ban quản lý 2 tầng; nhà tạm giữ phương tiện, kho 1 tầng; nhà nuôi nhốt động vật quý hiếm 1 tầng; nhà bảo vệ 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.5. Trạm bảo vệ rừng xã Hua trai, huyện Mường La: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 352,0m² thuộc địa phận xã Hua Trai, huyện Mường La. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.6. Nhà làm việc Ban quản lý rừng đặc dụng - Phòng hộ Sốp Cộp: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 3.150,0 m² thuộc địa phận xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà làm việc Ban quản lý 2 tầng; nhà tạm giữ phương tiện, kho 1 tầng; nhà nuôi nhốt động vật quý hiếm 1 tầng; nhà bảo vệ 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.7. Trạm bảo vệ rừng xã Háng Đông, huyện Bắc Yên: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 378,0m² thuộc địa phận xã Háng Đông, huyện Bắc Yên. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.8. Nhà làm việc Ban quản lý rừng đặc dụng Tà Xùa: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 1.968,13 m² thuộc địa phận xã Mường Thái, huyện Phù Yên. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà làm việc Ban quản lý 2 tầng; nhà tạm giữ phương tiện, kho 1 tầng; nhà nuôi nhốt động vật quý hiếm 1 tầng; nhà bảo vệ 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.9. Trạm bảo vệ rừng xã Mường Thái, huyện Phù Yên: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 634,6m² thuộc địa phận xã Mường Thái, huyện Phù Yên. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.10. Trạm bảo vệ rừng xã Mường Cai, huyện Sông Mã: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 499,82m² thuộc địa phận xã Mường Cai, huyện Sông Mã.

Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.11. Trạm bảo vệ rừng xã Mường Sai, huyện Sông Mã: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 431,89m² thuộc địa phận xã Mường Sai, huyện Sông Mã. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.12. Trạm bảo vệ rừng xã Nậm Mẩn, huyện Sông Mã: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 326,44m² thuộc địa phận xã Nậm Mẩn, huyện Sông Mã. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.13. Nhà làm việc Ban quản lý rừng đặc dụng Chiềng Xuân: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 1.661,47m² thuộc địa phận xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà làm việc Ban quản lý 2 tầng; nhà tạm giữ phương tiện, kho 1 tầng; nhà nuôi nhốt động vật quý hiếm 1 tầng; nhà bảo vệ 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.14. Trạm bảo vệ rừng xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 285,2m² thuộc địa phận xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.1.15. Trạm bảo vệ rừng xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ: Nằm trong khu đất có diện tích khoảng 296,75m² thuộc địa phận xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ. Các hạng mục được bố trí trong mặt bằng bao gồm: Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng và các hạng mục phụ trợ. Công trình kết nối giao thông bên ngoài thông qua cổng chính.

9.2. Giải pháp hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống đường giao thông: Đã có các tuyến đường thích hợp phục vụ giao thông nội bộ trong công trình và bên ngoài công trình;

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ hệ thống cấp điện chung của khu vực đến tủ điện tổng cấp điện cho toàn bộ công trình;

- Cấp nước: Nguồn cấp nước cho công trình được lấy từ hệ thống cấp nước của khu vực dẫn vào bể nước, từ bể nước dùng bơm cấp nước lên téc nước mái;

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa thoát độc lập với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực;
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

9.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

9.3.1. Nhà làm việc Ban quản lý rừng đặc dụng - Phòng hộ Thuận Châu

a) Nhà làm việc Ban quản lý 2 tầng (diện tích xây dựng 236m²; tổng diện tích sàn 462m²)

- *Kiến trúc:* Thiết kế 2 tầng với chiều dài 25,2m (tính theo tim tường); chiều rộng 8,1m (tính theo tim tường); bước gian 3,6m; bước nhịp 6,0m; hành lang trước rộng 2,1m. Cầu thang rộng 3,6m bố trí tại trục (4)-(5). Chiều cao nền nhà (cốt $\pm 0,00$) cao hơn so với mặt hè là 0,45m; chiều cao tầng 1 là 3,6m, tầng 2 là 3,7m; chiều cao mái thu hồi là 2,2m; chiều cao từ cốt $\pm 0,000$ đến đỉnh mái là 9,5m. Cửa đi, cửa sổ, vách kính khuôn nhôm kính. Nền phòng, hành lang lát gạch men kính kích thước (40x40)cm; bậc tam cấp, bậc cầu thang mài Granito. Khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (30x30)mm; tường ốp gạch men kính kích thước (30x60)cm, cao 1,8m. Toàn bộ tường trong, ngoài nhà lăn sơn trang trí không bả; mái nhà lợp tôn múi chống nóng dày 0,35mm;

- *Kết cấu:* Móng đơn, móng hợp khối, cột, dầm, sàn, cầu thang, lanh tô, giằng thu hồi đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200); nền tầng 1, lót móng bê tông mác 100, dày 10cm. Móng bó xây đá hộc vữa xi măng mác 50, đệm cát đầm chặt dày 5cm. Tường bao che, tường ngăn xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát tường trong, tường ngoài vữa xi măng mác 50; trát cột, dầm, trần vữa xi măng mác 75. Hệ thống xà gồ thép hình U(80x40x3)mm;

- *Cấp điện:* Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện khu vực qua tủ điện tổng của công trình phân phối tới các phòng chức năng. Điện thấp sáng trong phòng sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện công suất 40W. Hành lang và cầu thang sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện ốp trần công suất 20W; hệ thống làm mát sử dụng quạt trần 100W, quạt treo tường 58W và điều hòa treo tường. Toàn bộ dây dẫn đặt trong ống nhựa đi ngầm tường;

- *Thu lôi chống sét:* Sử dụng kim thu sét Ø16mm mạ kẽm, dài 1,5m. Dây dẫn và dây thu sét Ø12mm mạ kẽm, dây tiếp địa thép dẹt (40x4)mm; cọc tiếp địa thép hình đều cạnh L(63x63x6)mm, dài 2,5m; điện trở của bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$;

- *Phòng chống cháy nổ:* Thiết kế hệ thống chữa cháy bằng bình chữa cháy MFZ4 đặt tại vị trí thuận tiện khi sử dụng;

- *Cấp nước:* Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ hệ thống nước của khu vực đến bể chứa nước của công trình bơm lên bồn inox 2,5m³ đặt trên mái

công trình. Từ bồn nước mái cấp xuống khu vệ sinh và các thiết bị;

- *Thoát nước*: Nước thải từ xí, tiểu được gom vào ống PVC Ø110 sau đó thu về ống đứng PVC Ø110 xuống bể tự hoại; nước từ chậu rửa, phễu thu sàn được thu về ống đứng PVC Ø90 thoát ra rãnh thoát nước quanh nhà; hệ thống thoát nước mái sử dụng ống PVC Ø90. Toàn bộ nước thải xí, sàn, nước mưa được thoát độc lập với nhau và gom vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b) Nhà nuôi nhốt động vật quý hiếm 1 tầng (diện tích xây dựng 54m²).

- *Kiến trúc*: Thiết kế 1 tầng với chiều dài 10,0m (tính theo tim tường); chiều rộng 5,0m (tính theo tim tường); bước gian 3,35m, 3,3m; bước nhịp 5,0m. Chiều cao nền nhà (cốt ±0,00) cao hơn so với mặt hè là 0,15m; chiều cao từ cốt ±0.000 đến đỉnh mái là 4,0m. Cửa đi, cửa sổ khuôn thép hình kết hợp đan nan thép. Mái nhà lợp tôn múi chống nóng dày 0,35mm;

- *Kết cấu*: Móng đơn, giằng móng đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200); móng bó, tường bao xây vữa xi măng mác 50; lót móng, móng bó bê tông mác 100, dày 10cm. Cột thép hộp (100x100x4)mm liên kết với móng thông qua bu lông và bản mã. Nền bê tông mác 200, dày 10cm. Móng bó xây đá hộc vữa xi măng mác 50, đệm bê tông đá 4x6 mác 100, dày 10cm. Hệ thống vì kèo thép L(50x50x5), xà gồ thép hộp (80x40x3)mm;

- Thoát nước mái: Dùng ống PVC Ø90 gom nước từ máng thu thoát ra ngoài nhà.

c) Nhà tạm giữ phương tiện, kho 1 tầng (diện tích xây dựng 79m²)

- *Kiến trúc*: Thiết kế 1 tầng với chiều dài 12,0m (tính theo tim cột); chiều rộng 4,5m (tính theo tim tường); bước gian 3,0m; bước nhịp 4,5m. Chiều cao nền nhà (cốt ±0,00) cao hơn so với mặt hè là 0,1m; chiều cao từ cốt ±0.000 đến đỉnh mái là 3,1m. Tường bao, cửa khuôn thép lưới B40. Mái nhà lợp tôn múi chống nóng dày 0,35mm;

- *Kết cấu*: Móng đơn đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200); lót móng bê tông đá 4x6 mác 100, dày 10cm. Tường bao che cao 0,35m xây vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 75. Cột thép ống Ø (140x5,6)mm liên kết với móng thông qua bu lông và bản mã. Nền bê tông mác 200, dày 10cm. Hệ thống vì kèo thép L(50x50x5), xà gồ thép hộp (80x40x3)mm;

- Thoát nước mái: Dùng ống PVC Ø90 gom nước từ máng thu thoát ra ngoài nhà.

d) Nhà bảo vệ 1 tầng (diện tích xây dựng 36m²)

- *Kiến trúc*: Thiết kế 1 tầng với kích thước (4,5x4,0)m. Chiều cao nền nhà (cốt ±0,00) cao hơn so với mặt hè là 0,45m; chiều cao từ cốt ±0.000 đến đỉnh mái

là 3,8m. Cửa đi, cửa sổ khuôn nhôm kính. Nền phòng lát gạch men kính kích thước (40x40)cm; bậc tam cấp mài Granito. Toàn bộ tường trong, ngoài nhà lán sơn trang trí không bả; mái nhà lát gạch lá nem chống nóng kích thước (30x30)cm;

- *Kết cấu*: Móng đơn, cột, dầm, sàn, lanh tô đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200); lót móng, giằng móng bê tông mác 100, dày 10cm; móng bó xây đá hộc vữa xi măng mác 50, đệm cát đen dày 5cm. Tường bao che xây vữa xi măng mác 50; trát tường trong, tường ngoài vữa xi măng mác 50; trát trần vữa xi măng mác 75;

- *Cấp điện*: Điện cấp cho công trình được lấy từ điện nhà ban quản lý qua ắtômát cấp điện cho toàn nhà. Điện thấp sáng trong phòng sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện công suất 20W. Hệ thống làm mát sử dụng quạt trần 100W. Toàn bộ dây dẫn đặt trong ống nhựa đi ngầm tường;

- Thoát nước mái: Dùng ống PVC Ø90 thoát ra ngoài nhà.

e) Nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng (diện tích xây dựng 65m²)

- *Kiến trúc*: Thiết kế 1 tầng với chiều dài 18,0m (tính theo tim cột); chiều rộng 2,4m (tính theo tim tường); đường dốc rộng 1,2m; bước gian 3,0m; bước nhịp 2,4m. Chiều cao nền nhà (cốt ±0,00) cao hơn so với mặt hè là 0,1m; chiều cao từ cốt ±0.000 đến đỉnh mái là 3,1m. Mái nhà lợp tôn múi chống nóng dày 0,35mm;

- *Kết cấu*: Móng đơn, cột, giằng móng đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200); lót móng, giằng móng bê tông mác 100, dày 10cm. Nền nhà láng vữa xi măng mác 75/ lớp bê tông mác 200, dày 10cm. Hệ thống vì kèo thép L(45x45x4) và L(40x40x4); xà gồ thép hộp (80x40x2,5)mm.

g) Sân bê tông: Kết cấu bê tông mác 200, dày 14cm/ lớp cát đầm chặt dày 3cm;

h) Cổng: Chiều rộng ô cổng chính 3,6m, ô cổng phụ 1,65m. Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75, đệm cát đầm chặt dày 5cm. Trụ cổng xây gạch không nung vữa xi măng mác 75; trát vữa xi măng mác 75; mái trụ đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200). Toàn bộ trụ sơn trang trí không bả. Cánh cổng thép kết hợp tấm bít tôn;

i) Hàng rào hoa sắt, hàng rào xây: Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75, đệm cát đầm chặt dày 5cm; giằng móng đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200). Trụ, tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75; trát vữa xi măng mác 75; khoảng cách 3,6m bỏ 1 trụ. Toàn bộ trụ, tường rào sơn trang trí không bả.

k) Các hạng mục phụ trợ khác: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

9.3.2. Trạm bảo vệ rừng xã Co Mạ, huyện Thuận Châu

a) Nhà bảo vệ rừng 1 tầng (diện tích xây dựng 132m²)

- *Kiến trúc*: Thiết kế 1 tầng với chiều dài 14,4m (tính theo tim tường); chiều rộng 7,7m (tính theo tim tường); bước gian 3,6m; bước nhịp 6,0m; hành lang trước rộng 1,7m. Chiều cao nền nhà (cốt $\pm 0,00$) cao hơn so với mặt hè là 0,75m; chiều cao từ cốt $\pm 0,000$ đến đỉnh mái là 5,5m. Cửa đi, cửa sổ khuôn nhôm kính. Nền phòng, hành lang lát gạch men kính kích thước (40x40)cm; bậc tam cấp lát gạch men kính kích thước (30x30)cm. Khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (30x30)mm; tường ốp gạch men kính kích thước (30x60)cm, cao 2,2m. Toàn bộ tường trong, ngoài nhà lăn sơn trang trí không bả; mái nhà lợp tôn múi chống nóng dày 0,35mm;

- *Kết cấu*: Móng đơn, cột, dầm, sàn, lanh tô, giằng thu hồi đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200); nền nhà, lót móng bê tông mác 100, dày 10cm. Móng bó xây đá hộc vữa xi măng mác 50, đệm bê tông mác 100, dày 10cm. Tường bao che, tường ngăn xây vữa xi măng mác 50; trát tường trong, tường ngoài vữa xi măng mác 50; trát cột, dầm, trần vữa xi măng mác 75. Hệ thống vì kèo thép L(60x60x5) và L(50x50x5)mm; xà gồ thép hộp (80x40x3)mm;

- *Cấp điện*: Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện khu vực qua tủ điện tổng của công trình phân phối tới các phòng chức năng. Điện thấp sáng trong phòng sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện công suất 40W. Hệ thống làm mát sử dụng quạt trần 100W. Toàn bộ dây dẫn đặt trong ống nhựa đi ngầm tường;

- *Thu lôi chống sét*: Sử dụng kim thu sét $\varnothing 16$ mm mạ kẽm, dài 1,5m. Dây dẫn và dây thu sét $\varnothing 12$ mm mạ kẽm, dây tiếp địa thép dẹt (40x4)mm; cọc tiếp địa thép hình đều cạnh L(63x63x6)mm, dài 2,5m; điện trở của bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$.

- *Phòng chống cháy nổ*: Thiết kế hệ thống chữa cháy bằng bình chữa cháy MFZ4 đặt tại vị trí thuận tiện khi sử dụng.

- *Cấp nước*: Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ hệ thống nước của khu vực đến bể chứa nước của công trình bơm lên bồn nhựa 0,3m³ đặt trên mái công trình. Từ bồn nước mái cấp xuống khu vệ sinh và các thiết bị;

- *Thoát nước*: Nước thải từ xí gom vào ống PVC $\varnothing 110$ xuống bể tự hoại; nước từ chậu rửa, phễu thu sàn được thu về ống đứng PVC $\varnothing 90$ thoát ra ngoài nhà; hệ thống thoát nước mái sử dụng ống PVC $\varnothing 90$. Toàn bộ nước thải xí, sàn, nước mưa được thoát độc lập với nhau và gom vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b) Nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng (diện tích xây dựng 23m²)

- *Kiến trúc*: Thiết kế 1 tầng với chiều dài 6,0m (tính theo tim cột); chiều rộng 2,4m (tính theo tim tường); đường dốc rộng 1,2m; bước gian 3,0m; bước nhịp 2,4m.

Chiều cao nền nhà (cốt $\pm 0,00$) cao hơn so với mặt hè là 0,1m; chiều cao từ cốt ± 0.000 đến đỉnh mái là 3,1m. Mái nhà lợp tôn múi chống nóng dày 0,35mm;

- *Kết cấu*: Móng đơn, cột, giằng móng đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200); lót móng, giằng móng bê tông mác 100, dày 10cm. Nền nhà láng vữa xi măng mác 75/ lớp bê tông mác 200, dày 10cm. Hệ thống vì kèo thép L(45x45x4) và L(40x40x4); xà gồ thép hộp (80x40x2,5)mm.

c) *Sân bê tông*: Kết cấu bê tông mác 150, dày 14cm/ lớp cát đầm chặt dày 3cm;

d) *Cổng*: Chiều rộng cổng 3,6m. Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75, đệm cát đầm chặt dày 5cm. Trụ cổng xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát vữa xi măng mác 50; mái trụ đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200). Toàn bộ trụ sơn trang trí không bả. Cánh cổng thép kết hợp tấm bít tôn;

e) *Hàng rào hoa sắt, hàng rào xây*: Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75, đệm cát đầm chặt dày 5cm; giằng móng đổ bê tông cốt thép cấp bền B15 (mác 200). Trụ, tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát vữa xi măng mác 50; khoảng cách 3,6m bỏ 1 trụ. Toàn bộ trụ, tường rào sơn trang trí không bả.

g) *Các hạng mục phụ trợ khác*: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

9.3.3. 04 Nhà làm việc Ban quản lý tại các điểm: Xã Nậm Păm, huyện Mường La; xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp; xã Mường Thái, huyện Phù Yên; xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ

a) *Các hạng mục Nhà làm việc Ban quản lý 2 tầng; Nhà nuôi nhốt động vật quý hiếm 1 tầng; Nhà tạm giữ phương tiện, kho 1 tầng; Nhà bảo vệ 1 tầng; Nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng*: Sử dụng thiết kế lặp lại của Nhà làm việc Ban quản lý rừng đặc dụng - Phòng hộ Thuận Châu kết hợp với thay đổi phương án thiết kế móng phù hợp với địa chất tại từng vị trí.

b) *Các hạng mục sân, cổng, tường rào*: Kết cấu theo Nhà làm việc Ban quản lý rừng đặc dụng - Phòng hộ Thuận Châu (riêng Nhà làm việc Ban quản lý rừng đặc dụng - Phòng hộ Sốp Cộp tận dụng cổng cũ);

c) *Các hạng mục phụ trợ khác*: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

9.3.4. 09 Trạm bảo vệ rừng tại các điểm: Xã Bản Lầm, huyện Thuận Châu; xã Hua trai, huyện Mường La; xã Háng Đồng, huyện Bắc Yên; xã Mường Thái, huyện Phù Yên; xã Mường Cai, huyện Sông Mã; xã Mường Sai, huyện Sông Mã; xã Nậm Mần, huyện Sông Mã; xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ; xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ

a) *Các hạng mục Nhà bảo vệ rừng 1 tầng; Nhà để xe đạp, xe máy 1 tầng*: Sử dụng thiết kế lặp lại của Trạm bảo vệ rừng xã Co Mạ, huyện Thuận Châu kết hợp với thay đổi phương án thiết kế móng phù hợp với địa chất tại từng vị trí.

b) *Các hạng mục sân, cống, tường rào:* Kết cấu theo Trạm bảo vệ rừng xã Co Ma, huyện Thuận Châu;

c) *Các hạng mục phụ trợ khác:* Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

9.3.5. *Các chi tiết khác:* Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

10. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 43.892,490 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	34.212,051	Triệu đồng
- Chi phí thiết bị	2.806,481	Triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án	1.211,076	Triệu đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	3.061,873	Triệu đồng
- Chi phí khác	510,890	Triệu đồng
- Chi phí dự phòng	2.090,119	Triệu đồng

11. Các nội dung khác: Theo cáo cáo kết quả Thẩm định số 197/KQTD-SXD ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Sở Xây dựng.

Điều 2. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La (*chủ đầu tư*) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Thuận Châu, Mường La, Sốp Cộp, Bắc Yên, Phù Yên, Sông Mã, Vân Hồ; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (T/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, TH, NC, KT(Quý-3b). 25b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh